



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trung Ngoan	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 22/04/2015)
Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/04/2015)
Ông Mạc Văn Luật	Ủy viên
Ông Phan Tuấn Linh	Ủy viên
Ông Phạm Việt Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Tường Anh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2015)
Ông Hoàng Đình Quang	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 22/04/2015)

Ban Giám đốc

Ông Mạc Văn Luật	Giám đốc
Ông Phạm Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đào	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đức Thành	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Mạc Văn Luật
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016



GIÁM ĐỐC
Mạc Văn Luật



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 14.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 03 năm 2016, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)
Ngày 08 tháng 03 năm 2016

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.180.305.522	20.267.490.656
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.244.040.544	4.621.789.031
1. Tiền	111	V.1	3.244.040.544	4.621.789.031
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.259.220.930	13.141.978.280
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.144.430.142	11.331.243.074
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		696.000.000	1.976.020.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	190.944.388	124.983.006
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(772.153.600)	(290.267.800)
III. Hàng tồn kho	140	V.5	1.239.491.245	1.636.101.873
1. Hàng tồn kho	141		1.239.491.245	1.636.101.873
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.437.552.803	867.621.472
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4.209.542.445	867.621.472
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		228.010.358	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.911.982.821	22.258.849.727
I. Tài sản cố định	220		21.054.230.821	19.739.312.697
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	20.977.564.821	19.739.312.697
- Nguyên giá	222		69.338.304.582	64.883.047.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.360.739.761)	(45.143.734.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	76.666.000	-
- Nguyên giá	228		80.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.334.000)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.249.721.280
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.249.721.280
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.857.752.000	269.815.750
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.857.752.000	269.815.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		46.092.288.343	42.526.340.383

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.871.652.341	14.049.961.024
I. Nợ ngắn hạn	310		12.771.652.341	9.795.268.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	7.478.784.148	8.357.311.022
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	492.529.385	293.789.026
3. Phải trả người lao động	314		4.341.564.266	599.995.402
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	122.866.518
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	235.736.918	209.268.975
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		223.037.624	212.037.624
II. Nợ dài hạn	330		1.100.000.000	4.254.692.457
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	3.054.692.457
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.12	1.100.000.000	1.200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.220.636.002	28.476.379.359
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	32.220.636.002	28.476.379.359
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.203.400.000	1.203.400.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.017.236.002	272.979.359
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	272.979.359
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.017.236.002	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		46.092.288.343	42.526.340.383


Đào Văn Hải
Người lập biểu


Đỗ Ngọc Thăng
Kế toán trưởng


Mạc Văn Luật
Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.206.721.832	64.355.093.005
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.206.721.832	64.355.093.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.978.613.756	58.500.094.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.228.108.076	5.854.998.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.273.019	40.939.363
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	181.321.064	841.055.729
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		181.321.064	841.055.729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.881.121.010	6.781.466.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.189.939.021	(1.726.584.966)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	97.360.909	6.987.799.580
12. Chi phí khác	32	VI.6	98.074.286	4.879.792.359
13. Lợi nhuận khác	40		(713.377)	2.108.007.221
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.189.225.644	381.422.255
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.171.989.642	108.442.896
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.017.236.002	272.979.359
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.488	101

Đào Văn Hải
Người lập biểu

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Mạc Văn Luật
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	86.038.668.089	77.004.196.529
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(57.879.052.734)	(53.335.057.961)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.547.403.913)	(10.957.931.453)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(304.187.582)	(929.544.619)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.508.442.896)	(663.130.986)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.860.008.028	10.654.588.020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.718.292.950)	(18.666.159.867)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.941.296.042	3.106.959.663
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.285.536.071)	(2.238.900.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	7.564.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.273.019	40.939.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.261.263.052)	5.366.039.363
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.054.692.457)	(5.246.302.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.089.020)	(1.068.210.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.057.781.477)	(6.314.512.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.377.748.487)	2.158.486.226
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.621.789.031	2.463.302.805
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.244.040.544	4.621.789.031

Đào Văn Hải
Người lập biểu

Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Mạc Văn Luật
Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ- HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng. Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201040588 ngày 01 tháng 3 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0201040588 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng là 27.000.000.000 đồng, trong đó Nhà nước chiếm 60% vốn điều lệ. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

- Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng - cổ đông nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ, tương đương với 16.200.000.000 đồng.
- Các cổ đông khác nắm giữ 40% vốn điều lệ tương đương với 10.800.000.000 đồng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 220 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 216 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ chuyển tải hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Cho thuê tàu lai;
- Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;
- Trục vớt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và vận tải đường biển;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài);
- Khai thác cảng; kinh doanh kho bãi.
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

Hoạt động chính của Công ty là: Lai dắt hỗ trợ tàu, trục vớt cứu hộ tàu, bốc xếp hàng hóa, chuyển tải hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một đơn vị hoạt động duy nhất tại trụ Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 15
Tài sản cố định khác	04 - 07

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh trong kỳ của phương tiện vận tải thủy, phí bảo hiểm phương tiện và giá trị phân bổ của những công cụ, dụng cụ. Thời gian phân bổ của các chi phí này lần lượt là tối đa là 30 tháng đối với chi phí sửa chữa, phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian mua và không quá 03 năm đối với công cụ dụng cụ và được phân bổ đều vào các kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo định kỳ theo quy định của bộ giao thông vận tải. Được Công ty ghi nhận dựa trên số liệu ước tính của Ban giám đốc về các khoản chi phí cần thiết phát sinh khi đến kỳ hạn sửa chữa của tàu chia đều trong thời gian 30 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	43.575.066	47.493.926
Tiền gửi ngân hàng	3.200.465.478	4.574.295.105
Cộng	3.244.040.544	4.621.789.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu The VISSAI	-	1.723.177.757
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	8.140.660.651	6.242.101.081
Công ty TNHH MTV Savitrans	2.481.733.375	-
Các đối tượng khác	3.522.036.116	3.365.964.236
Cộng	14.144.430.142	11.331.243.074
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	8.140.660.651	6.242.101.081
Cộng	8.140.660.651	6.242.101.081

3. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động	117.194.489	-	87.742.784	-
Tạm ứng	20.749.899	-	33.840.222	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	-	-
Phải thu khác	3.000.000	-	3.400.000	-
Cộng	190.944.388	-	124.983.006	-

4. Nợ xấu

	31/12/2015			01/01/2015		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH đầu tư & phát triển Duyên Hải	Trên 3 năm	467.535.600	-	Từ 2 đến 3 năm	520.535.600	230.267.800
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lan Hương	Trên 3 năm	304.618.000	-	Trên 3 năm	304.618.000	304.618.000
Cộng	-	772.153.600	-	-	825.153.600	534.885.800

5. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.236.147.897	-	1.633.684.439	-
Công cụ, dụng cụ	3.343.348	-	2.417.434	-
Cộng	1.239.491.245	-	1.636.101.873	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	83.025.100	83.118.405	64.514.975.999	201.927.727	64.883.047.231
Mua trong năm	-	270.000.000	-	-	270.000.000
Đầu tư XDCB hoàn trả	-	-	4.185.257.351	-	4.185.257.351
Tại ngày 31/12/2015	83.025.100	353.118.405	68.700.233.350	201.927.727	69.338.304.582
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	31.137.000	47.782.000	44.912.338.534	152.477.000	45.143.734.534
Khấu hao trong năm	8.304.000	32.148.000	3.158.481.500	18.071.727	3.217.005.227
Tại ngày 31/12/2015	39.441.000	79.930.000	48.070.820.034	170.548.727	48.360.739.761
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	51.888.100	35.336.405	19.602.637.465	49.450.727	19.739.312.697
Tại ngày 31/12/2015	43.584.100	273.188.405	20.629.413.316	31.379.000	20.977.564.821

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.110.746.727 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Mua trong năm	80.000.000	80.000.000
Tại ngày 31/12/2015	80.000.000	80.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Khấu hao trong năm	3.334.000	3.334.000
Tại ngày 31/12/2015	3.334.000	3.334.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	76.666.000	76.666.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Sửa chữa tàu	3.355.021.000	642.073.250
Phí bảo hiểm phương tiện	310.210.000	195.533.320
Công cụ dụng cụ	533.491.445	-
Dụng cụ quản lý	10.820.000	30.014.902
Cộng	4.209.542.445	867.621.472
b) Dài hạn		
Sửa chữa tàu	1.369.859.000	258.995.750
Dụng cụ quản lý	-	10.820.000
Chi phí khác	174.993.000	-
Công cụ dụng cụ	312.900.000	-
Cộng	1.857.752.000	269.815.750

9. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	894.165.476	894.165.476	3.625.022.680	3.625.022.680
- Công ty TNHH DVKT Hoàng Huy	756.396.709	756.396.709	2.061.568.242	2.061.568.242
- Công ty TNHH VTB Bạch Đằng	-	-	1.359.915.200	1.359.915.200
- Công ty CP TM & VT 568	1.716.590.299	1.716.590.299	-	-
- Công ty TNHH TMVT xây dựng Vĩnh Hùng	1.293.658.960	1.293.658.960	-	-
- Công ty CP thương mại Minh Khánh	1.058.488.750	1.058.488.750	-	-
- Các đối tượng khác	1.759.483.954	1.759.483.954	1.310.804.900	1.310.804.900
Cộng	7.478.784.148	7.478.784.148	8.357.311.022	8.357.311.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Phải trả người bán (Tiếp theo)

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	894.165.476	894.165.476	3.625.022.680	3.625.022.680
Cộng	894.165.476	894.165.476	3.625.022.680	3.625.022.680

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
- Thuế giá trị gia tăng	171.113.130	2.641.086.152	2.337.177.552	475.021.730
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.442.896	1.171.989.642	1.508.442.896	(228.010.358)
- Thuế thu nhập cá nhân	14.233.000	40.696.056	37.421.401	17.507.655
- Thuế khác	-	190.758.000	190.758.000	-
Cộng	293.789.026	4.044.529.850	4.073.799.849	264.519.027

10. Phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ăn ca	77.979.000	75.038.000
Kinh phí công đoàn	93.139.880	95.963.130
Bảo hiểm xã hội	15.001.234	14.987.521
Bảo hiểm thất nghiệp	263.744	262.244
Hoàn thuế TNCN năm 2014	9.724.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.929.060	23.018.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.700.000	-
Cộng	235.736.918	209.268.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Dự phòng nợ phải trả

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng sửa chữa lớn tài sản tài sản cố định	1.100.000.000	1.100.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.100.000.000	1.100.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000

12. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	27.000.000.000	663.400.000	1.844.586.286	29.507.986.286
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	272.979.359	272.979.359
Phân phối lợi nhuận	-	540.000.000	(764.586.286)	(224.586.286)
Trả cổ tức	-	-	(1.080.000.000)	(1.080.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	27.000.000.000	1.203.400.000	272.979.359	28.476.379.359
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	4.017.236.002	4.017.236.002
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(272.979.359)	(272.979.359)
Số dư tại ngày 31/12/2015	27.000.000.000	1.203.400.000	4.017.236.002	32.220.636.002

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 182/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng ngày 22 tháng 04 năm 2015.

Chi tiết vốn góp

	31/12/2015 VND	Tỉ lệ %	01/01/2015 VND	Tỉ lệ %
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	16.200.000.000	60%	16.200.000.000	60%
Các cổ đông khác	10.800.000.000	40%	10.800.000.000	40%
Cộng	27.000.000.000	100%	27.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận bốc xếp, bộ phận lai dất hỗ trợ, bộ phận vận tải và các dịch vụ trọn gói khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bốc xếp: chủ yếu thực hiện chức năng Bốc xếp hàng hạng nặng, siêu trường, siêu trọng
Bộ phận lai dất hỗ trợ: thực hiện chức năng lai dất hỗ trợ tàu lớn ra vào cảng, cứu hộ, cứu nạn...
Bộ phận vận tải và dịch vụ trọn gói: thực hiện chức năng chủ yếu là vận tải hàng hóa và bốc xếp hàng hóa thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015)

	Doanh thu hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu		Doanh thu hoạt động dịch vụ trọn gói		Doanh thu hoạt động lai đất, hỗ trợ		Tổng cộng
	Năm 2015 VND	Năm 2015 VND	Năm 2015 VND	Năm 2015 VND	Năm 2015 VND	Năm 2015 VND	
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.000.003	31.361.971.467	49.694.750.362	81.206.721.832			
Tổng Doanh thu	150.000.003	31.361.971.467	49.694.750.362	81.206.721.832			
Khấu hao và chi phí phân bổ	269.282.860	31.827.736.072	33.881.594.824	65.978.613.756			
Kết quả kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(119.282.857)	(465.764.605)	15.813.155.538	15.228.108.076			
Chi phí không phân bổ				9.881.121.010			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(119.282.857)	(465.764.605)	15.813.155.538	5.346.987.066			
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	24.273.019			
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	(713.377)			
Chi phí tài chính	-	-	-	181.321.064			
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	5.189.225.644			
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	1.171.989.642			
Lợi nhuận trong năm				4.017.236.002			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Doanh thu hoạt động bóc xếp		Doanh thu hoạt động dịch vụ trọn gói		Doanh thu hoạt động lai đất, hỗ trợ		Tổng cộng
	Năm 2014 VND	Năm 2014 VND	Năm 2014 VND	Năm 2014 VND	Năm 2014 VND	Năm 2014 VND	
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	313.236.363	25.757.171.596	38.284.685.046	64.355.093.005			
Tổng Doanh thu	313.236.363	25.757.171.596	38.284.685.046	64.355.093.005			
Khấu hao và chi phí phân bổ	728.585.637	28.057.313.173	29.714.195.806	58.500.094.616			
Kết quả kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(415.349.274)	(2.300.141.577)	8.570.489.240	5.854.998.389			
Chi phí không phân bổ				7.092.735.731			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(415.349.274)	(2.300.141.577)	8.570.489.240	(1.237.737.342)			
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	40.939.363			
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	2.108.007.221			
Chi phí tài chính	-	-	-	841.055.729			
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	381.422.255			
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	108.442.896			
Lợi nhuận trong năm				272.979.359			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Bộ phận ung phó sự cố tràn dầu	Bộ phận hoạt động dịch vụ trọn gói	Bộ phận hoạt động lai đất, hỗ trợ	Tổng cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	766.683.867	7.143.179.427	12.369.114.295	20.278.977.589
Tài sản không phân bổ				25.813.310.754
Tổng tài sản				46.092.288.343
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	13.871.652.341
Nợ phải trả không phân bổ				13.871.652.341
Tổng nợ phải trả				-

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Bộ phận ung phó sự cố tràn dầu	Bộ phận hoạt động dịch vụ trọn gói	Bộ phận hoạt động lai đất, hỗ trợ	Tổng cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	-	7.342.718.461	11.461.487.277	18.804.205.738
Tài sản không phân bổ				23.722.134.645
Tổng tài sản				42.526.340.383
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				14.049.961.024
Tổng nợ phải trả				14.049.961.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất trụ sở đặt tại số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và không có các chi nhánh tại các địa điểm khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.206.721.832	64.355.093.005
Trong đó:		
- Hoạt động hỗ trợ, lai dắt	49.694.750.362	38.284.685.046
- Hoạt động dịch vụ trọn gói	31.361.971.467	25.757.171.596
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	150.000.003	-
- Hoạt động bốc xếp	-	313.236.363
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	42.223.482.386	35.475.715.747

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Hoạt động hỗ trợ, lai dắt	33.881.594.824	29.714.195.806
- Hoạt động dịch vụ trọn gói	31.827.736.072	28.057.313.173
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	269.282.860	-
- Hoạt động bốc xếp	-	728.585.637
Cộng	65.978.613.756	58.500.094.616

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.273.019	40.939.363
Cộng	24.273.019	40.939.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	181.321.064	841.055.729
Cộng	181.321.064	841.055.729

5. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	6.876.363.631
Các khoản khác	97.360.909	111.435.949
Cộng	97.360.909	6.987.799.580

6. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý	-	4.879.792.359
Các khoản khác	98.074.286	-
Cộng	98.074.286	4.879.792.359

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.189.225.644	381.422.255
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.171.989.642	108.442.896
Cộng	1.171.989.642	108.442.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.017.236.002	272.979.359
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.017.236.002	272.979.359
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.488	101

9. Chi phí theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.450.954.598	19.904.969.379
Chi phí nhân công	22.780.136.396	15.186.146.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.200.655.227	4.413.539.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.204.041.723	23.908.431.147
Chi phí khác bằng tiền	2.827.336.194	1.868.474.890
Cộng	75.463.124.138	65.281.561.605

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.244.040.544	4.621.789.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.492.471.031	17.673.228.853
Cộng	16.786.511.575	22.295.017.884
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	-	3.054.692.457
Phải trả người bán và phải trả khác	7.714.521.066	209.268.975
Chi phí phải trả	-	122.866.518
Cộng	7.714.521.066	3.386.827.950

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền & các khoản tương đương tiền	3.244.040.544	-	-	3.244.040.544
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.124.634.548		-	21.124.634.548
Cộng	24.368.675.092	-	-	24.368.675.092
31/12/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.714.521.066	-	-	7.714.521.066
Cộng	7.714.521.066	-	-	7.714.521.066
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.654.154.026	-	-	16.654.154.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

01/01/2015				
Tiền & các khoản tương đương tiền	4.621.789.031	-	-	4.621.789.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.673.228.853			17.673.228.853
Cộng	22.295.017.884	-	-	22.295.017.884
01/01/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	209.268.975	-	-	209.268.975
Chi phí phải trả	122.866.518	-	-	122.866.518
Các khoản vay	-	3.054.692.457	-	3.054.692.457
Cộng	332.135.493	3.054.692.457	-	3.386.827.950
Chênh lệch thanh khoản thuần	21.962.882.391	(3.054.692.457)	-	18.908.189.934

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Cùng Công ty mẹ
Ông Cao Trung Ngoan	Hội Đồng Quản trị
Ông Phạm Việt Hà	Hội Đồng Quản trị
Ông Phan Tuấn Linh	Hội Đồng Quản trị
Ông Hoàng Đình Quang	Hội Đồng Quản trị
Ông Mạc Văn Luật	Hội Đồng Quản trị
Bà Đặng Thị Vân Anh	Ban Kiểm soát
Ông Nhữ Văn Nguyên	Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ban Kiểm soát
Ông Đào Ngọc Thành	Ban Kiểm soát

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Bán hàng	-	-
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	42.223.482.386	35.475.715.747
Mua hàng	-	-
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	13.998.180.283	5.569.712.800
Thu nhập của Ban Giám đốc		
	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	1.157.028.230	734.583.452
Cộng	1.157.028.230	734.583.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc Tế. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty đã áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại
	VND	VND	lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	91.142.784	33.840.222	124.983.006
Tài sản ngắn hạn khác	33.840.222	(33.840.222)	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	867.621.472	867.621.472
Chi phí trả trước dài hạn	1.137.437.222	(867.621.472)	269.815.750
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.322.866.518	(1.200.000.000)	122.866.518
Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	871.700.000	331.700.000	1.203.400.000
Quỹ dự phòng tài chính	331.700.000	(331.700.000)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	101	-	101


Đào Văn Hải
Người lập biểu


Đỗ Ngọc Thăng
Kế toán trưởng


Mạc Văn Luật
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 3 547 2323 | Fax: 08. 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Thanh Hóa:

Số 30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866
Email: ifcthanhhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 8 3547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa City:

No. 30, Tu Dao Hanh Street, Dong Tho Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: 0373 758 959 | Fax: 0378 886 866
Email: ifcthanhhhoa@ifcvietnam.com.vn